TOÀ ÁN NH DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST. Ngày: 28- 02 - 2025. V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Phượng.

Bà Trần Thị Tuyết Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thanh H, sinh năm 1976 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh D, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2024, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Đào Thanh H trình bày:* Bà Đào Thanh H và ông Trần Thanh D kết hôn vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà H và ông D chung sống hạnh phúc được 16 năm. Từ năm 2010 cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên từ năm 2010 bà H và ông D không còn sống chung với nhau. Bà H nhận thấy bà và ông D không thể tiếp tục sống chung nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Đào Thanh H và ông Trần Thanh D có 02 người con chung là Trần Khả D1, sinh ngày 24/9/1995 và Trần Trung

K, sinh ngày 01/10/1999. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trần Thanh D:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Trần Thanh D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông D không liên hệ đếnTòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh D đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội dung:

[2] Việc tranh chấp giữa bà Đào Thanh H và ông Trần Thanh D là loại kiện hôn nhân và gia đình. Xét thấy, bà H và ông D tổ chức cưới và sống chung vào năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông D. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Đào Thanh H và ông Trần Thanh D không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, bà H và ông D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa hai người không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thụ lý đơn khởi kiện của bà Đào Thanh H và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đào Thanh H và ông Trần Thanh D.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Đào Thanh H và ông Trần Thanh D có 02 người con chung là Trần Khả D1, sinh ngày 24/9/1995 và Trần Trung K, sinh ngày 01/10/1999. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Đào Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số

0008268 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà Đào Thanh H đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đào Thanh H và ông Trần Thanh D.

- Về con chung: Trần Khả D1, sinh ngày 24/9/1995 và Trần Trung K, sinh ngày 01/10/1999 đã đủ 18 tuổi trở lên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Đào Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008268 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà Đào Thanh H đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được tống đạt hợp lệ

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA DS. Huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ